

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/8/2020

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc và bà Nguyễn Thị Hoài

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyên - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên

Ngày 14/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào ngày 27/10/2000. Sau ngày cưới, anh chị chung sống ở huyện L, tỉnh Đồng Nai được khoảng 03 năm thì chuyển về sinh sống tại gia đình anh ở Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Từ đó, giữa anh chị và giữa chị với gia đình anh phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hòa hợp trong sinh hoạt, lối sống, nếp sống và việc làm. Đến đầu năm 2007, mâu thuẫn giữa anh chị càng thẳng, không giải quyết được, chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương sinh sống. Sau đó, anh và gia đình có đến nói chuyện, đón chị H về, nhưng chị không về lại gia đình anh. Từ đó đến nay, anh chị ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau. Nay nhận thấy giữa vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài; không còn tình cảm để tiếp tục quan hệ hôn nhân, nên anh khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh với chị Nguyễn Thị H có một con chung là Nguyễn Thị Phương H, sinh ngày 08/02/2001, đã thành niên và đang học đại học tại Hà Nội. Khi anh chị ly hôn, anh tự nguyện có trách nhiệm chu cấp tiền cho con.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H đã được tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định, nhưng chị không đến làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai hoặc tài liệu, chứng cứ của chị Nguyễn Thị H.

Tài liệu xác minh tại địa phương và bản khai của người làm chứng thể hiện: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H kết hôn và chung sống với nhau ở miền Nam, sau đó chuyển ra miền Bắc. Từ khoảng năm 2007, chị H và con về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương sinh sống cho đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị có hay không và cụ thể thế nào thì địa phương không nắm được cụ thể. Tuy nhiên, từ lâu anh chị không chung sống với nhau là có thật. Nay anh S xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và mở phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S. Xử cho anh Nguyễn Văn S ly hôn chị Nguyễn Thị H; về con chung: Không phải xem xét giải quyết; về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn S khởi kiện tranh chấp về ly hôn, là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn - chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị Nguyễn Thị H vắng mặt và không có yêu cầu phản tố; anh Nguyễn Văn S có đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh, chị không hòa hợp về lối sống, sinh hoạt và việc làm dẫn đến mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng và không thể giải quyết, chị H mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh S từ đầu năm 2007 đến nay; vợ chồng không còn quan tâm, gặp gỡ nhau. Lời khai của anh S phù hợp với lời khai của người làm chứng

và tài do chính quyền địa phương cung cấp. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử có căn cứ để xử cho anh Nguyễn Văn S ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn S với chị Nguyễn Thị H có một con chung là Nguyễn Thị Phương H, sinh ngày 08/02/2001, đã thành niên. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng và việc anh S xác định có trách nhiệm chu cấp tiền cho con là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn S. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn S ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002155 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Anh S đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (*để ghi vào sổ Hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính